

VỀ LUẬT BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM

NGUYỄN TRINH

Qua hơn 10 năm thi hành *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* (ban hành năm 1991), với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, các cấp chính quyền, sự tham gia tích cực của toàn xã hội, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã đạt được những chuyển biến quan trọng.

Hiện cả nước có trên 200 cơ sở bảo trợ của Nhà nước và các tổ chức xã hội chăm sóc trẻ em không nơi nương tựa, 200 cơ sở trợ giúp trẻ lang thang do tổ chức và cá nhân thành lập, hơn 30 tổ chức phi chính phủ của Việt Nam và quốc tế đang tham gia chăm sóc trẻ khuyết tật¹. Trẻ em ngày càng được bảo vệ, chăm sóc và giáo dục tốt hơn: "Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 38% năm 1995 xuống còn 33-34% năm 2000; tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 81‰ xuống còn 42‰; các bệnh bại liệt, bệnh thiếu vitamin A, bệnh uốn ván sơ sinh cơ bản được thanh toán vào năm 2000. Các bệnh sốt rét, bướu cổ năm 2000 đã giảm gần 60% so với năm 1995"².

Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân khác nhau, vẫn còn một bộ phận trẻ chưa được hưởng đầy đủ các quyền lợi đã được pháp luật quy định, ngày càng nhiều vấn đề mới phát sinh và gia tăng mà Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em chưa có quy định điều chỉnh, nhất là đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Theo báo cáo của Bộ lao động, thương binh và xã hội, hiện cả nước có khoảng trên 126 ngàn trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa; 1,2 triệu trẻ em tàn tật; trên 20 ngàn trẻ em lang thang; 56 ngàn trẻ em lao động kiếm sống trong các cơ sở dịch vụ và sản xuất nhỏ; 1 triệu trẻ em

nghèo; số trẻ em rơi vào các tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng³. Thực trạng đó đặt ra yêu cầu cấp bách là phải có những chính sách và giải pháp mạnh mẽ hơn để tăng cường bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Trong khi đó, thực tiễn thi hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ban hành năm 1991 đang bộc lộ những vấn đề bất cập cần khắc phục, đó là: 1. Một số quy định của Luật còn dừng ở nguyên tắc chung, mang tính khuyến nghị, vận động nên khó triển khai và kiểm tra thực hiện; 2. Một số quan hệ mới phát sinh chưa được điều chỉnh như hiện tượng trẻ em bị bỏ rơi, buôn bán trẻ em, lợi dụng trẻ em để trục lợi; 3. Thiếu các quy định về cơ chế trợ giúp trẻ em; Trẻ em những vùng khó khăn còn chịu thiệt thòi về các quyền vui chơi, giải trí...; 4. Các quy định về trách nhiệm bảo đảm quyền, bổn phận trẻ em còn chưa chặt chẽ, thiếu cụ thể.

Yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi phải khắc phục những hạn chế trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ban hành năm 1991, thể chế hoá Nghị quyết Đại hội IX của Đảng: "Chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em tập trung vào thực hiện quyền trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được sống trong môi trường an toàn và lành mạnh, phát triển hài hoà về thể chất, trí tuệ, tinh thần và đạo đức; trẻ em mồ côi, bị khuyết tật, sống trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có cơ hội học tập và vui chơi"⁴ và chủ trương của Nhà nước về bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Ngày 15 - 6 - 2004, Kỳ họp thứ 5 Quốc hội Khoá XI đã thông qua *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* thay thế Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 1991. Ngày

24 - 6 - 2004, Chủ tịch Nước ký Lệnh công bố và có hiệu lực thi hành từ ngày 1 - 1 - 2005.

Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đã kế thừa những quy định đang phát huy hiệu quả, sửa đổi những quy định chưa phù hợp và bổ sung những quy định để điều chỉnh các quan hệ mới phát sinh. Trong đó tiếp thu có chọn lọc những quy định về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em của các nước, các công ước quốc tế liên quan đến quyền trẻ em cho phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em gồm 5 chương, 60 điều, tăng thêm 34 điều so với Luật ban hành năm 1991. Nội dung cơ bản bao gồm:

Chương I: Những quy định chung, 10 điều. Bộ luật giữ nguyên quy định độ tuổi trẻ em là dưới 16 tuổi.

Chương II: Các quyền cơ bản và bổn phận của trẻ em, 12 điều. Quy định 10 quyền cơ bản của trẻ em là: quyền được khai sinh và có quốc tịch; quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền sống chung với cha mẹ; quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự; quyền được chăm sóc sức khỏe; quyền được học tập; quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch; quyền được phát triển năng khiếu; quyền có tài sản; quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội.

Luật quy định rõ: trẻ em dưới 6 tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu, được khám, chữa bệnh không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập. Trẻ em học bậc tiểu học trong các cơ sở giáo dục công lập không phải trả học phí.

Cùng với việc sửa đổi, bổ sung những điều khoản về bảo vệ quyền lợi của trẻ em, Luật mới cũng nhấn mạnh đến *bổn phận của trẻ em* đối với gia đình và xã hội. Các em phải có bổn phận yêu quý, kính trọng, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, người lớn tuổi; giúp đỡ người già yếu, đặc biệt là người khuyết tật, tàn tật, người gặp hoàn cảnh khó khăn, theo khả năng của mình.

Đồng thời, trẻ em phải có nghĩa vụ chăm chỉ học tập, rèn luyện, yêu lao động, tôn trọng pháp luật, có ý thức tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc; yêu quê hương đất nước, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Luật còn qui định rõ những việc trẻ em không được làm như: tự ý bỏ học, bỏ nhà sống lang thang; xâm phạm tính mạng, danh dự, tài sản của người khác, gây rối trật tự công cộng; sử dụng chất kích thích và các sản phẩm văn hóa không lành mạnh...

Chương III: Trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, 17 điều. Quy định cụ thể về trách nhiệm, nghĩa vụ của gia đình, nhà trường, Nhà nước, các cơ quan, đoàn thể trong việc đảm bảo các quyền lợi của trẻ em.

Chương IV: Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, 19 điều

Chương V: Điều khoản thi hành, 2 điều

Luật được xây dựng và sửa đổi trên nguyên tắc của công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là không phân biệt đối xử với trẻ, tôn trọng, thực hiện đầy đủ các quyền cơ bản và nhu cầu chính đáng của trẻ em, đảm bảo lợi ích tốt nhất của trẻ em. Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là nhiệm vụ của gia đình, Nhà nước, xã hội và mọi công dân.

Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là lĩnh vực được điều chỉnh trong nhiều văn bản luật của Nhà nước ta. Vì vậy trong Luật này chỉ tập trung quy định những vấn đề mang tính đặc thù của trẻ em, những vấn đề mà các luật khác đã quy định dưới dạng nguyên tắc và những chính sách, chế tài mà luật khác chưa quy định để tránh chồng chéo, bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật.

Luật bổ sung thêm Chương IV về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là các em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em khuyết tật, tàn tật, trẻ em là nạn nhân của chất độc hoá học, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ em phải làm việc nặng nhọc,

nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại, trẻ em phải làm việc xa gia đình; trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục, nghiện ma túy, trẻ em vi phạm pháp luật. Luật quy định rõ chính sách, các biện pháp trợ giúp; khuyến khích các tổ chức và cá nhân thành lập các cơ sở và hoạt động trợ giúp đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Trong đó, phòng ngừa, giải quyết và trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được phục hồi sức khoẻ, tinh thần và giáo dục đạo đức, hoà nhập với gia đình, cộng đồng là vấn đề hết sức quan trọng. Vì vậy, việc dành riêng Chương IV cho đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là phù hợp với thực tế hiện nay của nước ta, khi mà cả nước còn khoảng 2 triệu trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, đồng thời cũng phù hợp với xu hướng chung của quốc tế là quan tâm nhiều hơn tới nhóm trẻ này.

Các quy định đã thể hiện rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phát huy truyền thống nhân văn của dân tộc ta trong thực hiện chính sách. Đồng thời, việc ban hành *Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em* có bổ sung, phát triển thêm những quan điểm mới trong việc giải quyết các vấn đề về quyền trẻ em sẽ tạo cơ sở pháp lý để huy động nguồn lực của xã hội và quốc tế cho sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Những quy định cụ thể để điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh sẽ tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, góp phần đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra.

1, 3. Báo cáo thẩm tra của Ủy ban văn hoá, giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội về Dự án Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (sửa đổi)

2, 4. ĐCS Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr. 247, 107-108.

ĐẢNG BỘ CỤC HẢI QUAN...

(Tiếp theo trang 68)

xây dựng Đảng. Đảng bộ thường xuyên quán triệt các Nghị quyết, chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh uỷ, Tổng cục hải quan và Đảng uỷ khối dân chính Đảng, từ đó nâng cao nhận thức của đảng viên, phát huy tinh thần tự phê bình và phê bình. Hàng tháng họp Đảng uỷ, quán triệt, giao nhiệm vụ cho từng Đảng uỷ viên về nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; từ đó củng cố nâng cao vai trò lãnh đạo của các chi bộ.

Đối với công tác phát triển Đảng, Đảng uỷ có kế hoạch cụ thể, chỉ đạo các chi bộ giao nhiệm vụ, hướng dẫn, giúp đỡ đối tượng; đồng thời quan tâm đôn đốc các chi bộ tạo điều kiện cho quần chúng phấn đấu và có biện pháp giúp đỡ cụ thể. Nhờ vậy, 9 năm liền Đảng bộ được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, năm 2003 là Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Trên cơ sở thành tích đạt được trong quá trình lãnh đạo đơn vị cải cách hành chính, Đảng bộ Cục hải quan Đồng Nai rút ra một số kinh nghiệm. Đó là, Đảng bộ phải luôn giữ vững sự đoàn kết thống nhất, tạo sự gắn bó, phối hợp đồng bộ giữa Đảng uỷ và chính quyền, giữa Đảng uỷ với các tổ chức đoàn thể trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị. Đảng uỷ và cấp uỷ giữ vai trò là hạt nhân chính trị trong cơ quan. Từng đảng viên phải thể hiện tính chiến đấu, gương mẫu trong công tác...

Qua thực tiễn hoạt động cho thấy, Chính sách nợ thuế, ân hạn thuế trong hoạt động xuất nhập được xây dựng từ trước năm 1986, đến nay bộc lộ nhiều điểm không còn phù hợp. Do vậy, Trung ương cần sớm nghiên cứu, thay thế bằng cơ chế nộp thuế ngay, hay cơ chế bảo lãnh của các định chế tài chính tín dụng. Luật hải quan được triển khai tạo thuận lợi cho đơn vị, doanh nghiệp hoạt động, nhưng qua đó cũng bộc lộ một số điểm hạn chế cần sửa đổi, bổ sung như về cơ cấu tổ chức, xác định địa bàn hoạt động, khu vực kiểm soát hải quan, quy định về kiểm tra hải quan; hay việc đảm bảo thẩm quyền cho hải quan (một cơ quan bảo vệ pháp luật như Luật hải quan quy định); thiếu văn bản pháp lý để hướng dẫn thực hiện Luật... Tổng cục hải quan cần sớm tổng kết việc thực hiện Luật hải quan để kiến nghị với Quốc hội, Chính phủ, Bộ tài chính xem xét sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh.

NGUYỄN CHÁU KHUÊ